

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 100/2020/HS-ST

Ngày: 04-12-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Dương Cao Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 100/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/HSST-QĐ ngày 30/11/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/7/1980 tại xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tiến T (đã chết) và bà Trần Thị C; Có chồng: Anh Nguyễn Xuân A và 02 con; Tiền sự: Không; Tiền án: 02, cụ thể: Ngày 28/4/2016 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 12/2016/HSST (ngày 28/4/2018 chấp hành xong hình phạt tù); Ngày 15/5/2019 bị Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 23/2019/HSST (ngày 22/8/2019 chấp hành xong hình phạt tù); Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/9/2020 đến nay; *Có mặt.*

- Bị hại: Bà Trương Thị K; Sinh năm 1959; Trú tại: tổ 4, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Buôn bán; *Có mặt.*

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Xuân A; Sinh năm 1979; Trú tại: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; *Vắng mặt*

- **Người làm chứng:**

1. Bà Trần Thị H; Sinh năm 1968; Trú tại: Thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; *Vắng mặt*

2. Bà Hoàng Thị N; Sinh năm 1967; Trú tại: Thôn 2A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; *Vắng mặt*

3. Ông Trần Đình H1; Sinh năm 1962; Trú tại: Thôn 6, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; *Vắng mặt*

4. Chị Vương Thị H2; Sinh năm 1991; Trú tại: Tổ dân phố N, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; *Vắng mặt*

5. Chị Nguyễn Thị T1; Sinh năm 1991; Trú tại: Tổ dân phố T, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; *Vắng mặt*

6. Chị Lê Thị H3; Sinh năm 1976; Trú tại: Xóm H, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; *Vắng mặt*

7. Bà Phan Thị Đ; Sinh năm 1951; Trú tại: Khối phố 6, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; *Vắng mặt*

8. Bà Trần Thị L; Sinh năm 1962; Trú tại: Khối phố 8, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng hơn 9 giờ ngày 11/8/2020, tại khu vực quây hàng bán rau củ quả của bà Trương Thị K ở Chợ thành phố H thuộc phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, Nguyễn Thị T thấy bà K đựng tiền trong hai chiếc xô nhựa màu đỏ xếp chồng lên nhau đặt phía trong quây hàng bên cạnh chỗ bà K ngồi, chiếc xô phía trên đựng tiền có mệnh giá dưới 50.000 đồng, chiếc xô phía dưới đựng tiền mệnh giá từ 50.000 đồng trở lên. Phát hiện bà K đang nghe điện thoại không để ý nên T đi vào bên trong gian hàng, xách chiếc xô phía trên đặt sang một bên rồi lấy trộm chiếc xô đựng tiền phía dưới rồi nhanh chóng đi ra khỏi chợ. Khi đi đến đường Quốc lộ 1A, T lấy toàn bộ số tiền trộm cắp được bỏ vào túi ni lông cất vào cốp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát 38H8-1514 (xe đăng ký mang tên của chồng là anh Nguyễn Xuân A) rồi vứt chiếc xô nhựa màu đỏ xuống ven đường. Bà Trương Thị K sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản đã trình báo đến Công an phường N, thành phố H mất số tiền 17.000.000 đồng. Đến ngày 13/8/2020 bị Cơ quan điều tra triệu tập, Nguyễn Thị T khai nhận trộm cắp của bà K số tiền

4.700.000 đồng, T đã tiêu xài 1.200.000 đồng, còn lại 3.500.000đ giao nộp cho Cơ quan điều tra. Bị hại bà Trương Thị K yêu cầu Nguyễn Thị T bồi thường tiếp số tiền không thu hồi được là 13.500.000 đồng.

Bản cáo trạng số 99/CT-VKS-TPHT ngày 18/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Thị T từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự, điều 584, điều 585, điều 589 Bộ luật dân sự 2015 buộc Nguyễn Thị T bồi thường cho bà Trương Thị K số tiền 13.500.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đỏ đen, biển kiểm soát 38H8-1514.

Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo trình bày chỉ lấy trộm số tiền 4.700.000 đồng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Tĩnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Vào khoảng 09 giờ ngày 11/8/2020 tại quầy hàng bán rau củ quả ở Chợ thành phố H thuộc phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, bị cáo đã lấy trộm 01 chiếc xô đựng tiền mệnh giá từ 50.000 đồng trở lên của bà Trương Thị K để tiêu xài cá nhân. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai số tiền trong chiếc xô lấy trộm được là 4.700.000 đồng còn bị hại khai số tiền đựng trong xô bị mất trộm là 17.000.000đ. Xét lời khai của bị hại phù hợp với lời khai của những người làm chứng gồm bà Trần Thị Hương, bà Hoàng Thị N, bà Vương Thị H2, bà Nguyễn Thị T1, bà Lê Thị H3 và ông Trần Đình H1 (là những người đã mua hàng và trả tiền cho bà K sáng ngày 11/8/2020) và những người làm chứng bà Phan Thị Đ, bà Trần Thị L, có đủ căn cứ xác định Nguyễn Thị T đã lấy trộm của bà

Trương Thị K số tiền 17.000.000 đồng. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu, đã 02 lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội. Tại phiên tòa bị hại đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Không. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] **Về hình phạt bổ sung:** Xét bị cáo nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên không xử phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Xét luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị là thỏa đáng.

[6] **Về xử lý vật chứng:** 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đỏ đen, biển kiểm soát 38H8-1514 (theo Kết luận định giá tài sản số 39 ngày 27/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND thành phố Hà Tĩnh thì chiếc xe mô tô có trị giá 1.800.000 đồng) là tài sản chung của vợ chồng bị cáo (mua trong thời kỳ hôn nhân), bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, chồng bị cáo anh Nguyễn Xuân A không có lỗi nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị xe, trả lại cho anh An $\frac{1}{2}$ giá trị xe.

[7] **Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại bà Trương Thị K đã nhận lại số tiền 3.500.000đ, nay yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị chiếm đoạt còn lại 13.500.000 đồng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[8] Đối với anh Nguyễn Xuân A đã giao xe mô tô biển kiểm soát 38H8-1514 cho Nguyễn Thị T quản lý, sử dụng nhưng không biết T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên không xử lý đối với anh Nguyễn Xuân A.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị T** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Xử phạt **Nguyễn Thị T 21 (hai mươi một) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 04/9/2020.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước ½ giá trị xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đỏ đen, biển kiểm soát 38H8-1514. Trả lại ½ giá trị xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đỏ đen, biển kiểm soát 38H8-1514 cho anh Nguyễn Xuân An.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi phải bồi thường cho bị hại bà Trương Thị K số tiền 13.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bị hại đối với khoản tiền trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

“Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 điều 23, khoản 1, 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 675.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- VKSND TP Hà Tĩnh;
- THADS TP Hà Tĩnh;
- Công an TP Hà Tĩnh;
- THAPT; Trại tạm giam;
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Cừ

Võ Thị Hoa

Lê T Huyền

